

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/HC-ST

Ngày 29/8/2023

“V/v khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Dụng và ông Nguyễn Như Âm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quan Hùng là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 87/2023/HCST, ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXXST-HC ngày 09/8/2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Thôn 2, xã HT, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khổng Thế B - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2023)

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường TH, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại Th - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B1 - vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2023).

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B1:

1. Ông Trương Văn Ch - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B1 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Võ Quang H1 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B1 - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Công H2 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
 2. Bà Bùi Thị D - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
 3. Bà Đinh Thị Di Đ - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
 4. Ông Đinh Công Kh - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
 5. Bà Quách Thị Thảo Ph - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
 6. Ông Nguyễn Mạnh Khoa T - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
 7. Ông Đỗ Văn H3 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
 8. Bà Đinh Thị Thanh H4 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã HT, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H trình bày: Gia đình bà gồm có bà và các thành viên: Con gái bà Bùi Thị D, con rể là Đinh Công H2; cháu trai là Đinh Công Kh, cháu dâu là Quách Thị Thảo Ph; cháu gái là Đinh Thị Di Đ, cháu rể là Nguyễn Mạnh Khoa T; cháu gái là Đinh Thị Thanh H4, cháu rể là Đỗ Văn H3; Các cặp vợ chồng các cháu của bà, đã được chính quyền địa phương cấp sổ hộ khẩu cho từng hộ gia đình; riêng vợ chồng bà D, ông H2 cùng chung sổ hộ khẩu với bà.

Các thành viên gia đình bà cùng chung sống ổn định trên thửa đất số 134, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 59-1) diện tích 1.100m², trong đó có 400m² đất ở, tại thôn 2, xã HT, thành phố B1; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/11/1995. Ngày 12/11/2021, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số:7991/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ thửa đất số 134 của gia đình bà, để thực hiện dự án đường Đông Tây, xã HT, thành phố B1; Ngày 21/6/2022, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số:6010/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đông Tây, xã HT, thành phố B1; Ngày 30/6/2022, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số: 6217/QĐ-UBND và Quyết định số: 6218/QĐ-UBND, giao cho gia đình bà 02 thửa đất tái định cư, là thửa đất số 1818 và thửa đất số 1819, tờ bản đồ số 17, tại thôn 1, xã HT, thành phố B1; Gia đình bà yêu cầu UBND thành phố B1 giao thêm 03 thửa đất tái định cư, được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; UBND thành phố B1 hứa hẹn sẽ giao nhưng sau đó không giao thêm đất tái định cư cho gia đình bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND thành phố B1 giao thêm cho gia đình bà 03 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố B1 trình bày: Ngày 12/11/2021, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số: 7991/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 47, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 1.100m², trong đó có 400m² đất ở, tại thôn 2, xã HT, thành phố B1 của gia đình bà Nguyễn Thị H, để xây dựng công trình đường Đông Tây, xã HT, thành phố B1; Gia đình bà H bị thu hồi hết đất ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã HT, thành phố B1, nên đủ điều kiện được giao đất

tái định cư; Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 1 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, ngày 30/6/2022, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số: 6217/QĐ-UBND và Quyết định số: 6218/QĐ-UBND, giao cho gia đình bà H 02 thửa đất tái định cư, là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Công H2, bà Bùi Thị D, ông Đinh Công Kh, bà Đinh Thị Di Đ, bà Quách Thị Thảo Ph, ông Nguyễn Khoa Mạnh T và ông Đỗ Văn H3 trình bày: Các ông, các bà, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng Hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án; Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 59-1, diện tích 1.100m², trong đó có 400m² đất ở, tại thôn 2, xã HT, thành phố B1, của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/11/1995. Ngày 12/11/2021, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số: 7991/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ thửa đất số 47 của gia đình bà H, để thực hiện dự án đường Đông Tây, xã HT, thành phố B1; Trước khi bị thu hồi đất, bà H cùng với 03 hộ gia đình khác là các cháu của bà H cùng chung sống trên thửa đất số 47; Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 4 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, thì việc UBND thành phố B1 giao cho hộ gia đình bà H 02 thửa đất tái định cư là không đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc UBND thành phố B1 phải ban hành Quyết định giao thêm đất tái định cư cho hộ gia đình bà H, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người khởi không rút đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì đất số 134, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 59-1) diện tích 1.100m², trong đó có 400m² đất ở, tại thôn 2, xã HT, thành phố B1, thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bà H; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/11/1995. Ngày 12/11/2021, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số: 7991/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ thửa đất số 134 của gia đình bà, để thực hiện dự án đường Đông Tây, xã HT, thành phố B1; Gia đình bà H gồm có bà và các thành viên: Con gái bà là Bùi Thị D, con rể là Đinh Công H2; cháu trai là

Đình Công Kh, cháu dâu là Quách Thị Thảo Ph; cháu gái là Đình Thị Di Đ, cháu rể là Nguyễn Khoa Mạnh T cháu gái là Đình Thị Thanh H4, cháu rể là Đỗ Văn H3; Các cặp vợ chồng các cháu của bà H, đã được chính quyền địa phương cấp sổ hộ khẩu cho từng hộ gia đình; riêng vợ chồng bà D, ông H2 cùng chung sổ hộ khẩu với bà H nhưng đủ điều kiện tách thành hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú; Trước khi bị thu hồi đất, hộ gia đình bà H, có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên thửa đất số 47. Nhà nước đã thu hồi hết đất ở của hộ gia đình bà H; hộ gia đình bà H không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã HT, thành phố B1, nên đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số:47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Các thành viên hộ gia đình bà H, đủ điều kiện được được giao 05 thửa đất tái định, được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP. Ngày 23/01/2023, các thành viên hộ gia đình bà Hiền có đơn đề nghị UBND thành phố B1 xem xét và giao thêm 03 thửa đất tái định cư nhưng UBND thành phố B1 từ chối là trái với quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố B1, căn cứ khoản 1 Điều 6 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 để giao cho hộ gia đình bà H 02 thửa đất tái định cư, là trái với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, sau khi Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành, ngày 10/11/2014, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND quy định về định mức giao đất tái định, được quy định tại Điều 6. Việc giao đất tái định cư cho các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, đủ điều kiện để tách thành từng hộ riêng theo quy định của pháp luật về cư trú, thì căn cứ vào quy đất của địa phương, mỗi cặp vợ chồng đủ điều kiện tách hộ, được xem xét giao 01 thửa đất tái định cư để làm nhà ở, có thu tiền sử dụng đất, theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định tại khu tái định cư đó.

Như vậy, nội dung khoản 1 Điều 6 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk, hoàn toàn phù hợp với khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP. Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND sửa đổi khoản 1 Điều 6 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND và quy định cho UBND cấp huyện, giao thêm cho hộ gia đình có đất bị thu hồi theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP 01 thửa đất tái định cư, là trái với quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP, là văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, là hành vi bị nghiêm cấm, được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B1 không giao thêm cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H 03 thửa đất tái định cư là trái pháp luật; Buộc UBND thành phố B1 phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia đình bà H 03 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, được Tòa án chấp nhận, UBND thành phố B1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 6 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B1 không giao thêm cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H 03 thửa đất tái định cư là trái pháp luật.

2. Buộc UBND thành phố B1, phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H 03 thửa đất tái định cư, để làm nhà ở, theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B1 phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm

Báo cho người khởi kiện biết, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;

.....

- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huân